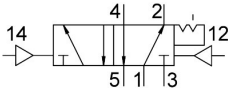


Van khí VUWS-LT30-B52-N38

Số bộ phận: 8036728



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	5/2 lưỡng ổn định
Kiểu vận hành	khí nén
Kích thước van	31 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	1800 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	3/8 NPT
Áp suất vận hành	0.15 MPA...1 MPA 1.5 bar...10 bar
Cấu trúc xây dựng	Đế đĩa
Giấy phép	c UL us - Recognized (OL)
Chiều rộng định mức	8.7 mm
Chức năng khí xả	có thể điều tiết
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nút ghi đè	không
Kiểu điều khiển	trực tiếp
kiểm soát cung cấp không khí	trong
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Xếp chồng	gối chống âm
Áp suất điều khiển	0.15 MPA...1 MPA 1.5 bar...10 bar
Thời gian chuyển đổi lúc	13 ms
Chống cháy nổ	Lưu ý thông tin trong chứng nhận Vùng 1 (ATEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 22 (ATEX)
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Loại phòng sạch	Loại 6 theo ISO 14644-1
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...60 °C
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]

Đặc tính	Giá trị
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
trọng lượng sản phẩm	521 g
Kiểu gắn	Trên ray gắn van cụm với lỗ xuyên tùy ý:
Kết nối lỗ mở thông khí	không được gom
Cổng nối khí điều khiển 12	1/8 NPT
Cổng nối khí điều khiển 14	1/8 NPT
Cổng nối khí nén 1	3/8 NPT
Cổng nối khí nén 2	3/8 NPT
Cổng nối khí nén 3	3/8 NPT
Cổng nối khí nén 4	3/8 NPT
Cổng nối khí nén 5	3/8 NPT
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	HNBR NBR TPE-U (PU)
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực, sơn
Vật liệu con trượt pít tông	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu vít	Thép mạ, kẽm